

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG DƯỢC PHẨM THIẾT YẾU
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2024 - 2025
Sở (Áp dụng kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2024)

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Số đăng ký	Giá bán lẻ năm 2024-2025	Ghi chú
I	THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT, KHÁNG VIÊM						
1	Acid mefenamic 500mg	Dolnaltic	Cty CP Dược Phẩm 2/9	Viên	VD-18208-13 Duy trì 31/12/2024 (QĐ 62/QĐ-QLD)	1.070	
2	Chymotrypsin 4,2mg tương đương 21 microkatal	Agichymo	Agimexpharm	Viên	893110345223	1.100	
3	Chymotrypsin 8,4mg	Agichymo 8,4	Agimexpharm	Viên	VD-35789-22	2.000	
4	Diclofenac 75mg	Diclofenac 75	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Hộp	VD-23083-15	25.150	Hộp 10 vỉ x 10 viên
5	Ibuprofen 200mg	cefu	Cty CP Dược Phẩm 2/9	Viên	VD-33357-19	500	Chai 60 viên
6	Ibuprofen 200mg	Ibuprofen 200	Cty CP Dược Phẩm 2/9	Viên	VD-33357-19	460	Hộp 10 vỉ x 10 viên
7	Ibuprofen 200mg	Agirofen 200	Agimexpharm	Viên	VD-32777-19	480	
8	Ibuprofen 400mg	Ibuprofen 400	Cty CP Dược Phẩm 2/9	Viên	VD-33358-19	750	
9	Ibuprofen 400mg	Agirofen 400	Agimexpharm	Viên	VD-32778-19	650	
10	Ibuprofen 600mg	Agirofen	Agimexpharm	Viên	893110056324 (VD-25606-16)	850	
11	Meloxicam 7,5mg	Agimesi 7,5	Agimexpharm	Viên	893110256023	750	
12	Meloxicam 7,5mg	Meloxicam 7,5	Imexpharm	Viên	VD-18740-13	950	

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Số đăng ký	Giá bán lẻ năm 2024-2025	Ghi chú
13	Meloxicam 7,5mg	Mecasel 7,5	Chi nhánh Resantis Vietnam - Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Viên	VD-25547-16	1.050	
14	Meloxicam 7,5mg	Meloxicam 7,5mg	Cty CP Dược Phẩm 2/9	Viên	VD-33360-19	830	
15	Meloxicam 15mg	Agimesi 15	Agimexpharm	Viên	VD-30271-18	1.200	
16	Meloxicam 15mg	Meloxicam 15	Cty CP Dược Phẩm 2/9	Viên	VD-26078-17 Duy trì 31/12/2024 (QĐ 62/QĐ-QLD)	1.040	
17	Paracetamol 325mg	Para-OPC 325mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Hộp	VD-31143-18	58.800	Hộp 20 gói
18	Paracetamol 325mg	Agimol 325	Agimexpharm	Gói	VD-22791-15	1.600	
19	Paracetamol 500mg	Agì - Tyfedol 500	Agimexpharm	Viên	893100257223	380	
20	Paracetamol 500mg	Repamax 500	Chi nhánh Resantis Vietnam - Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Viên	VD-23276-15	420	
21	Paracetamol 650mg	Acetab 650	Agimexpharm	Viên	VD-26090-17	510	
22	Paracetamol 650mg	Repamax 650	Chi nhánh Resantis Vietnam - Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Viên	VD-27428-17	700	
23	Paracetamol 325mg Tramadol 37,5mg	Tramagesic	Chi nhánh Resantis Vietnam - Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Viên	VD-30795-18	2.800	

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Số đăng ký	Giá bán lẻ năm 2024-2025	Ghi chú
24	Paracetamol 325mg Clorpheniramin maleat 2mg Natri benzoat 100mg	Acegoi	Agimexpharm	Gói	VD-24204-16	1.620	
25	Paracetamol 500mg Cafein 65mg	Acetab Extra	Agimexpharm	Viên	VD-28816-18	530	
26	Paracetamol 500mg Cafein 65mg	Repamax Extra	Chi nhánh Resantis Vietnam - Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Viên	VD-18092-12	630	
27	Paracetamol 500mg Codeine phosphat 8mg	Di-Ansel 8	Chi nhánh Resantis Vietnam - Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Viên	VD-21747-14	1.790	
28	Paracetamol 500mg Phenylephrin HCl 5mg Clorpheniramin maleat 2mg	Agidorin	Agimexpharm	Viên	VD-32773-19	640	
29	Paracetamol 500mg Phenylephrin 10mg Clorpheniramin 2mg	Sinuflex P	Chi nhánh Resantis Vietnam - Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Viên	VD-25942-16	630	
II	THUỐC TRỊ HO - LONG ĐÀM						
1	Acetylcystein 200mg	Acecyst	Agimexpharm	Gói	VD-23483-15	2.050	
2	Acetylcystein 200mg	Acecyst	Agimexpharm	Viên	VD-25112-16	720	
3	Bromhexin hydroclorid 0,024g/30ml	Agi-Bromhexine 30ml	Agimexpharm	Chai	VD-19310-13	18.000	
4	Bromhexin hydroclorid 0,048g/60ml	Agi-Bromhexine 60ml	Agimexpharm	Chai	VD-19310-13	18.600	

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Số đăng ký	Giá bán lẻ năm 2024-2025	Ghi chú
5	Bromhexin hydroclorid 4mg	Agi-Bromhexine 4	Agimexpharm	Viên	893100200824 (VD-29647-18)	250	
6	Bromhexin hydroclorid 4mg	Bromhexfar	Công Ty CP Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Chai	893100001123	28.500	
7	Bromhexin hydroclorid 8mg	Bromhexfar	Công Ty CP Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Viên	VD-35439-21	460	
8	Bromhexin hydroclorid 8mg	Agi-Bromhexine 8	Agimexpharm	Viên	VD-29646-18	190	
9	Bromhexin hydroclorid 16mg	Agi-Bromhexine 16	Agimexpharm	Viên	893110200724 (VD-30270-18)	600	
10	Carbocistein 100mg	Carbocistein 100mg	Imexpharm	Gói	VD-26166-17	1.470	
11	Carbocistein 200mg	Carbocistein 200mg	Imexpharm	Gói	VD-25187-16	1.680	
12	Guaifenesin 100mg; Cetirizin dihydroclorid 5mg; Dextromethorphan hydrobromid 15mg	Cidetuss	Imexpharm	Viên	VD-22163-15	1.160	
III	THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG						
1	Alimemazin tartrat 5mg	Aginmezin 5	Agimexpharm	Viên	VD-31564-19	270	
2	Alimemazin tartrat 10mg	Aginmezin 10	Agimexpharm	Viên	VD-27747-17	360	
3	Betamethason 0,25mg Dexchlorpheniramin maleat 2mg	Agibetadex	Agimexpharm	Viên	VD-25601-16	220	
4	Cetirizine 2HCL 10mg	Cetirizin 10mg	Imexpharm	Viên	VD-24210-16	400	
5	Clorpheniramin maleat 4mg	Allermine	Agimexpharm	Viên	893100144324 (VD-30275-18)	200	Viên nén
6	Clorpheniramin maleat 4mg	Allermine	Agimexpharm	Viên	VD-22794-15	460	Viên nang

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Số đăng ký	Giá bán lẻ năm 2024-2025	Ghi chú
7	Dexchlorpheniramin maleat 2mg	Agidexclo	Agimexpharm	Viên	VD-26092-17	200	
8	Dimenhydrinat 50mg	Naturimine	Agimexpharm	Viên	893100259723 (VD-30283-18)	1.000	
9	Ebastin 20mg	Bastinfast 20	Agimexpharm	Viên	VD-27753-17	9.500	
10	Fexofenadin HCL 60mg	Imexofen 60mg	Imexpharm	Viên	VD-26167-17	1.580	
11	Fexofenadin HCl 60mg	Agimfast 60	Agimexpharm	Viên	VD-25605-16	1.400	
12	Fexofenadin HCl 120mg	Agimfast 120	Agimexpharm	Viên	VD-29655-18	2.300	
13	Fexofenadin HCL 180mg	Imexofen 180mg	Imexpharm	Viên	VD-19887-13	3.990	
14	Fexofenadin HCl 180mg	Agimfast 180	Agimexpharm	Viên	VD-28822-18	2.500	
15	Fexofenadin 180mg	Fexnad 180	Cty CP Dược Phẩm 2/9	Viên	893100252323	2.640	
16	Levocetirizin dihydroclorid 5mg	Levoagi	Agimexpharm	Viên	VD-27759-17	1.000	
17	Loratadin 10mg	Loratadin 10mg	Imexpharm	Viên	VD-20754-14	840	
18	Loratadin 10mg	Agilodin	Agimexpharm	Viên	VD-32499-19	1.160	
19	Mequitanzin 5mg	Amquitaz 5	Agimexpharm	Viên	893100257323 (VD-27750-17)	2.500	
20	Promethazin hydroclorid 5mg	Promethazin	Agimexpharm	Gói	893100201224 (VD-25127-16)	1.500	
IV	THUỐC TRỊ ĐAU DẠ DÀY						
1	Aluminium hydroxid 0,4g Magnesi hydroxid 0,8g Simethicon 0,08g	Alumag-S	Agimexpharm	Gói	VD-20654-14	3.500	
2	Itoprid hydroclorid 50mg	Itopagi	Agimexpharm	Viên	VD-33381-19	3.000	
3	Lansoprazole 30mg	Ag-Lanso	Agimexpharm	Viên	VD-34101-20	1.500	
4	Nhôm hydroxyd 400mg Magnesi hydroxyd 400mg	Magaltab	Agimexpharm	Viên	VD-30282-18	560	
5	Omeprazol 20mg	Moprazol	Imexpharm	Viên	VD-31119-18	1.050	

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Số đăng ký	Giá bán lẻ năm 2024-2025	Ghi chú
6	Omeprazol 20mg	Omesel	Chi nhánh Resantis Vietnam - Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Viên	VD-23910-15	2.100	
7	Omeprazole 20mg	Agimepzol 20	Agimexpharm	Viên	893110144124 (VD-29654-18)	800	
8	Omeprazole 20mg	Ag-Ome	Agimexpharm	Viên	VD-20653-14	800	Viên nang
9	Omeprazole 20mg	Ag-Ome	Agimexpharm	Viên	VD-26093-17	1.100	Viên nén
10	Omeprazole 40mg	Agimepzol 40	Agimexpharm	Viên	VD-31061-18	1.400	
11	Pantoprazol 40mg	Pantagi	Agimexpharm	Viên	893110259023 (VD-24710-16)	2.750	
12	Rabeprazol sodium 10mg	Rabepagi 10	Agimexpharm	Viên	VD-28832-18	1.300	
13	Simethicon 2g	Doagithicon	Agimexpharm	Chai	VD-33145-19	25.000	
V	THUỐC TRỊ TIÊU CHÁY						
1	Diocetahedrat smectite 3g	Smecgim	Agimexpharm	Gói	VD-25616-16	2.800	
2	Loperamid hydroclorid 2mg	Lopetab	Agimexpharm	Viên	VD-22891-15	400	
3	Racecadotril 10mg	Racedagim 10	Agimexpharm	Gói	VD-24711-16	2.250	
4	Racecadotril 30mg	Racedagim 30	Agimexpharm	Gói	893110259123 (VD-24712-16)	3.500	
5	Racecadotril 100mg	Racedagim Imp 100	Agimexpharm	Viên	VD-18224-13	1.950	Viên nang
6	Racecadotril 100mg	Racedagim 100	Agimexpharm	Viên	VD-18223-13	1.950	Viên nén
VI	THUỐC TIM MẠCH						
1	Atenolol 100mg	Aginolol 100	Agimexpharm	Viên	VD-33372-19	1.300	
2	Cilnidipin 10mg	Kaldaloc	Agimexpharm	Viên	VD-33382-19	6.000	
3	Cilostazol 50mg	Crybotas 50	Agimexpharm	Viên	VD-31569-19	3.500	

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Số đăng ký	Giá bán lẻ năm 2024-2025	Ghi chú
4	Doxazosin 2mg	Doxagisin	Agimexpharm	Viên	VD-34564-20	3.500	
5	Methyldopa 125mg	Agidopa 125	Agimexpharm	Viên	VD-33144-19	950	
6	Rosuvastatin 20mg	Agirovastin 20	Agimexpharm	Viên	VD-25122-16	2.000	
VII	THUỐC ĐIỀU TRỊ TIỂU ĐƯỜNG						
1	Repaglinid 0,5mg	Dimobas 0,5	Agimexpharm	Viên	VD-33377-19	3.000	
VIII	THUỐC KHÁNG SINH-SULFAMID						
1	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 250mg, Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil) 250mg	Bactamox 500 mg	Imexpharm	Viên	VD-22899-15	8.400	
2	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250 mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 31,25 mg	Claminat IMP 250/31,25	Imexpharm	Gói	VD-27897-17	5.990	
3	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250 mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 62,5 mg	Claminat 250 mg/62,5 mg	Imexpharm	Gói	VD-26856-17	6.300	
4	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrate) 500mg; Acid clavulanic (dưới dạng clavulanat kali) 62,5mg	Claminat 500 mg/ 62,5 mg	Imexpharm	Gói	VD-35196-21	9.980	
5	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat powder) 500mg; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil) 125mg	Bactamox 625	Imexpharm	Gói	893110051723 (VD-20449-14)	12.600	

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Số đăng ký	Giá bán lẻ năm 2024-2025	Ghi chú
6	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500 mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 125 mg	Claminat 625mg	Imexpharm	Viên	VD-19382-13	7.040	
7	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500 mg; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil) 250 mg	Bactamox 750 mg	Imexpharm	Viên	VD-22900-15	11.550	
8	Amoxicillin 500mg Kali Clavulanat 125mg	Augtipha 625mg	Agimexpharm	Viên	VD-21357-14	6.400	
9	Amoxicillin 500mg Kali Clavulanat 62,5mg	Augtipha 562,5mg	Agimexpharm	Gói	VD-22214-15	8.500	
10	Amoxicillin 875mg Kali Clavulanat 125mg	Augtipha 1g	Agimexpharm	Viên	VD-21356-14	9.500	
11	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 875mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 125mg	Claminat 1 g	Imexpharm	Viên	VD-19380-13	13.230	
12	Azithromycin 250mg	Azissel 250	Chi nhánh Resantis Vietnam - Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Viên	VD-33057-19	4.830	
13	Azithromycin 500mg	Azissel 500	Chi nhánh Resantis Vietnam - Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Viên	VD-33058-19	9.630	
14	Cefixim (dưới dạng cefixim trihydrat)	Imexime 200	Imexpharm	Viên	893110252823 (VD-30399-18)	9.450	
15	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 250mg	Zanimex 250	Imexpharm	Viên	893110252923 (VD-20746-14)	8.400	
16	Cefuroxime 250mg	Cezirnate 250 mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Hộp	VD-20881-14	33.595	Hộp 1 vỉ x 10 viên

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Số đăng ký	Giá bán lẻ năm 2024-2025	Ghi chú
17	Ciprofloxacin 500mg	Agicipro	Agimexpharm	Viên	VD-25602-16	1.700	
18	Clarithromycin 500mg	Agiclari 500	Agimexpharm	Viên	VD-33368-19	6.000	
19	Erythromycin 250mg	Eryfar 250 mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Hộp	VD-19504-13	56.000	Hộp 20 gói
20	Levofloxacin 500mg	Levagim	Agimexpharm	Viên	VD-25612-16	5.900	
21	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 500mg	Levofloxacin 500 mg	Imexpharm	Viên	VD-27901-17	5.250	
22	Lincomycin 500 mg	Agilenco	Agimexpharm	Viên	VD-31562-19	1.850	
23	Ofloxacin 200 mg	Ofloxacin 200 mg	Imexpharm	Viên	893115254223 (VD-20757-14)	1.370	
24	Roxithromycin 150mg	Roxithromycin 150 mg	Imexpharm	Viên	VD-21309-14	1.840	
25	Roxythromycin 150mg	Roxy RVN	Chi nhánh Resantis Vietnam - Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Viên	VD-18838-13	4.410	
26	Spiramycin 0,75 M.IU	Rovagi 0,75	Agimexpharm	Gói	VD-22798-15	2.460	
27	Spiramycin 1,5 M.IU	Rovagi 1,5	Agimexpharm	Viên	VD-22799-15	2.950	
28	Spiramycin 3 M.IU	Rovagi 3	Agimexpharm	Viên	893110259223	5.750	
29	Spiramycin 0,75 M.IU Metronidazole 12,5mg	Agimdogyl	Agimexpharm	Viên	893115255923	1.900	
30	Sulfamethoxazol 400mg Trimethoprim 80mg	Supertrim	Agimexpharm	Gói	VD-23491-15	1.700	
31	Sulfamethoxazol 800mg Trimethoprim 160mg	Agi-Cotrim F	Agimexpharm	Viên	VD-25116-16	700	
IX	THUỐC KHÁNG VIÊM CORTICOID						
1	Betamethason 0,5mg	Agi-Beta	Agimexpharm	Viên	893110056224 (VD-26720-17)	220	
2	Dexamethason 0,5mg	Dexamethason	Agimexpharm	Viên	VD-29660-18	150	

STT	Tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng	Biệt dược	Nhà sản xuất	ĐVT	Số đăng ký	Giá bán lẻ năm 2024-2025	Ghi chú
3	Methylprednisolon 16mg	Metprednew IMP 16	Imexpharm	Viên	VD-20655-14	3.150	
4	Methylprednisolon 16mg	Agimetpred 16	Agimexpharm	Viên	VD-28821-18	2.500	
5	Methylprednisolon 4mg	Agimetpred 4	Agimexpharm	Viên	VD-24111-16	750	
X	THUỐC CHỐNG THOÁI HÓA KHỚP						
1	Colchicin 0,6mg	Goutcolcin 0,6	Agimexpharm	Viên	893115145024 (VD-28830-18)	980	
2	Colchicin 1mg	Colchicine RVN	Chi nhánh Resantis Vietnam - Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Viên	VD-33060-19	1.260	
XI	THUỐC TRỊ GIUN						
1	Albendazol 200mg	Albenca 200	Imexpharm	Viên	893100253123 (VD-29760-18)	2.940	
XII	THUỐC TRỢ TIÊU HÓA						
1	Acid Ursodeoxycholic 100mg	Urdoc 100	Agimexpharm	Viên	893110259523 (VD-30288-18)	4.000	
2	Alverin citrat 40mg	Spasdipyrin 40 mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Chai	VD-22549-15	64.000	Chai 200 viên
3	Alverin citrat 40mg	Spas-Agi	Agimexpharm	Viên	VD-17379-12	520	
4	Alverin citrat 60mg	Spas-Agi 60	Agimexpharm	Viên	VD-30286-18	780	Viên nang
5	Alverin citrat 60mg	Spas-Agi 60	Agimexpharm	Viên	VD-31063-18	780	Viên nén
6	Alverin citrat 120mg	Spas-Agi 120	Agimexpharm	Viên	VD-33384-19	1.200	
7	Berberin HCL 10mg	Berberal	Cty CP Dược Phẩm 2/9	Viên	VD-34639-20	290	